

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SÔNG ĐÀ 6**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4400135552 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp chuyên từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103034287 cấp lần đầu ngày 03 tháng 1 năm 2006. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội 19 lần cấp Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 26 tháng 7 năm 2021.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, Phường La Khê, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024.22253666
- Fax : 024.22253366

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 6.01	Xã Khoen On, huyện Thanh Uyên, tỉnh Lai Châu
Chi nhánh Sông Đà 6.03	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Nam Giang, tỉnh Quảng Nam
Ban điều hành dự án Thủy điện tại Lào	Bản KhanMacNao, Huyện SaNamxay, Tỉnh Attapeu, Lào

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, bưu điện, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến thế điện; sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước; xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị cơ khí, cơ giới và công nghệ xây dựng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đặng Quốc Bảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2021
Ông Lê Tiến Thủ	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Tuấn Phát	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Đào Xuân Tuấn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023
Ông Phạm Đức Trọng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 6 năm 2023

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Đình Tứ	Trưởng ban	Ngày 13 tháng 7 năm 2021
Ông Đỗ Anh Thái	Thành viên	Ngày 13 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Anh Đào	Thành viên	Ngày 13 tháng 7 năm 2021

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Tiến Thủ	Tổng Giám đốc	Ngày 13 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 05 tháng 5 năm 2017
Ông Vũ Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 17 tháng 12 năm 2018
Ông Phạm Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 04 tháng 01 năm 2022
Ông Nguyễn Văn Ngạn	Kế toán trưởng	Ngày 14 tháng 8 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Lê Tiến Thu - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 13 tháng 7 năm 2021).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Tiến Thu

Tổng Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số: 2.0510/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 6 tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		957.556.714.720	996.088.504.826
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.069.726.044	10.139.927.513
1. Tiền	111		8.069.726.044	10.139.927.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		285.603.076.809	304.801.120.079
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	307.729.955.502	326.170.251.025
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.739.247.127	1.051.775.138
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	9.614.968.687	11.060.188.423
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(33.481.094.507)	(33.481.094.507)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		658.358.126.939	673.326.434.694
1. Hàng tồn kho	141	V.6	658.358.126.939	673.326.434.694
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.525.784.928	7.821.022.540
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.525.784.928	7.821.022.540
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		280.764.525.956	289.406.984.532
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		182.511.525.877	183.292.652.692
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	182.511.525.877	183.292.652.692
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		49.806.093.925	54.643.850.453
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	33.553.043.207	37.124.177.175
<i>Nguyên giá</i>	222		379.328.532.006	390.725.045.547
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(345.775.488.799)	(353.600.868.372)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.8	16.253.050.718	17.519.673.278
<i>Nguyên giá</i>	225		26.073.470.907	26.073.470.907
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(9.820.420.189)	(8.553.797.629)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	1.667.381.143	1.444.084.315
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.102.000.000	3.102.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.434.618.857)	(1.657.915.685)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		46.779.525.011	50.026.397.072
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	46.779.525.011	50.026.397.072
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.238.321.240.676	1.285.495.489.358

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		839.920.087.965	852.619.187.804
I. Nợ ngắn hạn	310		839.820.087.965	852.569.187.804
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	155.801.565.919	171.268.509.272
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	125.595.511.936	149.664.560.769
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	46.145.895.197	49.690.124.446
4. Phải trả người lao động	314		16.697.050.666	23.960.233.179
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	2.357.968.097	2.357.968.097
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	196.073.250.504	182.349.084.534
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	297.138.170.965	272.884.425.826
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	10.674.681	394.281.681
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000	50.000.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	100.000.000	50.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		398.401.152.711	432.876.301.554
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	398.401.152.711	432.876.301.554
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		347.716.110.000	347.716.110.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		347.716.110.000	347.716.110.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		31.336.985.455	31.336.985.455
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.802.853.978	76.802.853.978
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(57.454.796.722)	(22.979.647.879)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(22.979.647.879)	(22.979.647.879)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(34.475.148.843)	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.238.321.240.676	1.285.495.489.358

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ngạn

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Lê Tiến Thủ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	53.460.667.979	111.724.406.682
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		53.460.667.979	111.724.406.682
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	65.876.988.447	80.097.003.803
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(12.416.320.468)	31.627.402.879
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.390.568	1.193.715.227
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	14.115.954.659	15.009.422.824
Trong đó: chi phí lãi vay	23		14.227.861.055	14.180.407.291
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.936.829.230	15.068.607.093
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(36.460.713.789)	2.743.088.189
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.787.599.870	5.897.937.843
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.802.034.924	8.203.979.092
13. Lợi nhuận khác	40		1.985.564.946	(2.306.041.249)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(34.475.148.843)	437.046.940
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	3.132.391.952
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(34.475.148.843)</u>	<u>(2.695.345.012)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ngạn

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Lê Tiến Thủ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(34.475.148.843)	437.046.940
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7, 8	4.837.756.528	6.366.938.099
- Các khoản dự phòng	03	V.2	(223.296.828)	(621.596.590)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	72.238.746	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.6	(3.729.090.911)	(943.257.272)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	14.227.861.055	14.180.407.291
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(19.289.680.253)	19.419.538.468
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22.202.168.951	14.213.185.429
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		14.968.307.755	(61.584.582.619)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(47.560.063.576)	61.346.444.730
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		3.246.872.061	(530.316.609)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3.233.529.286)	(6.296.837.139)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.506.171)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.16	(383.607.000)	(946.049.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(30.053.037.519)	25.621.383.260
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(884.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.729.090.911	816.089.090
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	627.168.182
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.729.090.911	559.257.272

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		
		Năm nay	Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	52.068.830.251	62.207.221.422	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(27.815.085.112)	(77.570.951.410)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	(1.152.878.788)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24.253.745.139	(16.516.608.776)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(2.070.201.469)	9.664.031.756	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	10.139.927.513	7.688.609.818
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	8.069.726.044	17.352.641.574

Người lập biểu

Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Ngạn

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Giám đốc



Lê Tiến Thủ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, sản xuất kinh doanh vật tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, buro điện, hạ tầng kỹ thuật, đường dây và trạm biến thế điện; sản xuất kinh doanh vật tư, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông, đường ống cấp thoát nước; xuất nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị cơ khí, cơ giới và công nghệ xây dựng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động kinh doanh trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ, Công ty tập trung thi công xây dựng một số công trình: Thủy điện Nậm Cùm 4 tại Lai Châu, thủy điện Đăk Mi 1 tại Kon Tum, thủy điện Thác Bà 2 tại Yên Bái và thủy điện Hạ Sê Kông A tại Lào. Đồng thời tiếp tục công tác hoàn thiện, quyết toán một số công trình thủy điện như: Đồng Nai 5, Xekaman 3, Xekaman 1 – Xanxay, Huội Quảng, Nậm Lúc, Bảo Nhai 2, Nậm Mồ 2...

Công ty đã thực hiện quyết toán xong toàn bộ công trình thủy điện Trung Xuân và thủy điện Đăk Mi 2 với chủ đầu tư.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 187 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 388 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư góp vốn vào đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Riêng công nợ với bên liên quan được trích lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác, được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\text{Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ của từng CT/HMCT} = \text{Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ của CT/HMCT} \times (1 - \text{Tỷ lệ lãi định mức})$$

Trong đó: Giá trị sản lượng dở dang cuối kỳ được xác định trên cơ sở khối lượng dở dang cuối kỳ theo kết quả kiểm kê.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 24 tháng.

Chi phí khác

Chi phí di chuyển máy móc thiết bị và lực lượng thi công, chi phí ván khuôn, cốp pha... được phân bổ vào chi phí theo thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

14. Các khoản giảm trừ

Các khoản giảm trừ doanh thu của Công ty là giá trị khối lượng xây lắp bị cắt giảm khi quyết toán công trình được phê duyệt, được ghi nhận khi phát sinh giá trị bị cắt giảm.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Công ty hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh là xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật và chủ yếu trong một khu vực địa lý là Việt nam có các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	422.342.283	104.189.761
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ^(*)	7.647.383.761	10.035.737.752
Cộng	8.069.726.044	10.139.927.513

(*) Trong đó, tiền gửi ngân hàng dùng để bảo lãnh tạm ứng tại 30/06/2023 là 1.526.587.118 VND (số đầu năm là 1.526.587.118 VND).

2. Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối kỳ</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Vân Phong	3.000.000.000	(1.402.672.050)	-	3.000.000.000	(1.657.915.685)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Vĩnh Sơn	102.000.000	(31.946.807)	-	102.000.000	-	-
Cộng	3.102.000.000	(1.434.618.857)	-	3.102.000.000	(1.657.915.685)	-

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về xác định giá trị hợp lý.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(1.657.915.685)	(1.657.915.685)
Trích lập dự phòng	(31.946.807)	-
Hoàn nhập dự phòng	255.243.635	-
Số cuối kỳ	(1.434.618.857)	(1.657.915.685)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>171.770.820.498</i>	<i>177.876.602.095</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	168.321.365.189	174.493.739.915
Cơ quan Tổng công ty Sông Đà	7.198.199.639	7.198.199.639
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xêcamán 1	77.976.701.595	84.149.076.321
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xêcamán 3	66.589.486.246	66.589.486.246
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Huội Quảng	3.424.153.180	3.424.153.180
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Sơn La	4.454.269.661	4.454.269.661
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Thủy điện Lai Châu	4.820.807.359	4.820.807.359
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Hòa Na	3.857.747.509	3.857.747.509
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.591.471.630	1.591.471.630
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	170.737.959	104.144.830
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	32.433.208	32.433.208
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (Xí nghiệp 10.7)	1.280.838.395	1.280.838.395
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	128.650.170	128.650.170
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà – Ucrin	245.323.947	245.323.947
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>318.470.660.881</i>	<i>331.586.301.622</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Đông Á	97.222.912.405	101.444.875.128
Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma ^(*)	43.897.073.328	45.807.582.184
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải và Tư vấn Đông Nam Á	26.127.864.263	28.127.864.263
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại 299	14.572.660.159	22.765.426.317
Tổng công ty Đầu tư phát triển Nhà và Đô thị Bộ Quốc Phòng	16.844.151.201	16.844.151.201
Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng - CTCP	8.797.062.398	19.410.545.455
Sekong A Downstream Hydropower Co., LTD	32.025.072.112	29.577.509.792
Các khách hàng khác	78.983.865.015	67.608.347.282
Cộng	<u>490.241.481.379</u>	<u>509.462.903.717</u>
<i>Trong đó: Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>	<i>307.729.955.502</i>	<i>326.170.251.025</i>
Phải thu các bên liên quan	117.639.825.243	123.745.606.840
Phải thu các khách hàng khác	190.090.130.259	202.424.644.185
<i>Phải thu dài hạn của khách hàng</i>	<i>182.511.525.877</i>	<i>183.292.652.692</i>
Phải thu các bên liên quan	54.130.995.255	54.130.995.255
Phải thu các khách hàng khác	128.380.530.622	129.161.657.437

(*) Khoản phải thu đã được thế chấp cho khoản vay Ngân hàng (xem thuyết minh số V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	597.380.000	-	597.380.000	-
Tổng công ty sông Đà – CTCP (Cơ quan Tổng công ty)	597.380.000	-	597.380.000	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	9.017.588.687	(1.086.029.000)	10.462.808.423	(1.086.029.000)
Tạm ứng	3.433.834.698	-	3.047.530.208	-
Ký quỹ, ký cược	1.043.810.622	-	1.043.810.622	-
Ông Hồ Sỹ Hùng	1.032.400.001	-	1.032.400.001	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	1.086.029.000	(1.086.029.000)	1.086.029.000	(1.086.029.000)
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Mekong	1.414.415.671	-	1.414.415.671	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.007.098.695	-	2.838.622.921	-
Cộng	9.614.968.687	(1.086.029.000)	11.060.188.423	(1.086.029.000)

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Các bên liên quan</i>	32.395.065.507	(32.395.065.507)	32.395.065.507	(32.395.065.507)
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 3	32.395.065.507	(32.395.065.507)	32.395.065.507	(32.395.065.507)
<i>Các tổ chức khác</i>	1.086.029.000	(1.086.029.000)	1.086.029.000	(1.086.029.000)
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	1.086.029.000	(1.086.029.000)	1.086.029.000	(1.086.029.000)
Cộng	33.481.094.507	(33.481.094.507)	33.481.094.507	(33.481.094.507)

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	33.481.094.507	34.102.691.097
Hoàn nhập dự phòng	-	(621.596.590)
Số cuối kỳ	33.481.094.507	33.481.094.507

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.021.747.221	-	14.517.616.857	-
Công cụ, dụng cụ	5.484.007.372	-	3.632.300.123	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	640.852.372.346	-	655.176.517.714	-
<i>Trong đó: Công trình với bên liên quan</i>	<i>347.220.327.473</i>	<i>-</i>	<i>347.220.327.473</i>	<i>-</i>
<i>Công trình Thủy điện Xekaman 1</i>	<i>40.713.950.773</i>	<i>-</i>	<i>40.713.950.773</i>	<i>-</i>
<i>Công trình Thủy điện Xekaman 3</i>	<i>31.110.888.057</i>	<i>-</i>	<i>31.110.888.057</i>	<i>-</i>
<i>Công trình Thủy điện Xekaman - Xan xay</i>	<i>178.757.784.678</i>	<i>-</i>	<i>178.757.784.678</i>	<i>-</i>
<i>Công trình Thủy điện Huội Quảng</i>	<i>65.990.484.568</i>	<i>-</i>	<i>65.990.484.568</i>	<i>-</i>
<i>Công trình Thủy điện Nậm Chiến</i>	<i>634.934.560</i>	<i>-</i>	<i>634.934.560</i>	<i>-</i>
<i>Công trình Thủy điện Đồng Nai 5</i>	<i>16.915.025.542</i>	<i>-</i>	<i>16.915.025.542</i>	<i>-</i>
<i>Công trình thủy điện Nậm Theun 1</i>	<i>13.097.259.295</i>	<i>-</i>	<i>13.097.259.295</i>	<i>-</i>
Cộng	658.358.126.939	-	673.326.434.694	-

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	19.292.803.248	298.773.940.934	72.487.236.093	171.065.272	390.725.045.547
Thanh lý, nhượng bán	-	(7.916.781.419)	(3.479.732.122)	-	(11.396.513.541)
Số cuối kỳ	19.292.803.248	290.857.159.515	69.007.503.971	171.065.272	379.328.532.006
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	193.706.263.312	42.269.117.806	97.198.000	236.072.579.118
Chờ thanh lý	-	47.078.039.427	11.173.727.971	73.867.272	58.325.634.670
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.701.431.567	278.047.745.462	68.680.626.071	171.065.272	353.600.868.372
Khấu hao trong kỳ	257.237.376	2.396.418.383	917.478.209	-	3.571.133.968
Thanh lý nhượng bán	-	(7.916.781.419)	(3.479.732.122)	-	(11.396.513.541)
Số cuối kỳ	6.958.668.943	272.527.382.426	66.118.372.158	171.065.272	345.775.488.799
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	12.591.371.681	20.726.195.472	3.806.610.022	-	37.124.177.175
Số cuối kỳ	12.334.134.305	18.329.777.089	2.889.131.813	-	33.553.043.207
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	320.000.168	17.045.439	-	337.045.607

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 22.876.786.890 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	19.081.818.182	6.991.652.725	26.073.470.907
Số cuối kỳ	<u>19.081.818.182</u>	<u>6.991.652.725</u>	<u>26.073.470.907</u>
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	5.713.438.744	2.840.358.885	8.553.797.629
Khấu hao trong kỳ	829.644.270	436.978.290	1.266.622.560
Số cuối kỳ	<u>6.543.083.014</u>	<u>3.277.337.175</u>	<u>9.820.420.189</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	13.368.379.438	4.151.293.840	17.519.673.278
Số cuối kỳ	<u>12.538.735.168</u>	<u>3.714.315.550</u>	<u>16.253.050.718</u>

9. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ hành chính	185.522.264	218.241.212
Công cụ dụng cụ sản xuất	4.601.746.968	7.818.662.927
<i>Trong đó: Chi phí ván khuôn, giàn giáo, cốp pha</i>	760.878.484	2.003.571.282
Chi phí di chuyển máy móc thiết bị và lực lượng thi công	39.871.472.448	39.163.546.981
Chi phí sửa chữa tài sản	-	582.256.250
Các chi phí khác	2.120.783.331	2.243.689.702
Cộng	<u>46.779.525.011</u>	<u>50.026.397.072</u>

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	12.182.328.503	11.626.323.108
Tổng Công ty sông Đà - CTCP	390.354.553	390.354.553
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	8.925.450.478	8.925.450.478
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	327.649.945	136.192.100
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	15.452.450
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	2.538.873.527	2.158.873.527
Phải trả các nhà cung cấp khác	143.619.237.416	159.642.186.164
Công ty TNHH MTV Bảo Giáp	12.248.930.358	12.248.930.358
Doanh nghiệp Tư nhân Hằng	-	253.439.200
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Đại Ngân	7.380.319.543	7.530.319.543
Công ty TNHH Đầu tư Quốc Tế Phúc Anh	10.340.429.282	20.000.946.492
Công ty cổ phần thương mại xăng dầu Lai Châu	21.556.991.404	21.556.991.404
Phải trả các nhà cung cấp khác	92.092.566.829	98.051.559.167
Cộng	<u>155.801.565.919</u>	<u>171.268.509.272</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	7.613.409.610	7.605.742.731
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	7.605.742.731	7.605.742.731
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	7.666.879	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	117.982.102.326	142.058.818.038
Tổng công ty xây dựng Bạch Đằng - CTCP	76.608.736.577	97.529.818.182
Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy điện Thác Bà 2	18.637.690.686	17.841.652.121
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Năng lượng Hưng Lộc Phát	15.759.930.113	17.537.065.743
Công ty Cổ phần Quản lý Đầu tư Mekong	6.424.959.950	6.424.959.950
Các khách hàng khác	550.785.000	2.725.322.042
Cộng	<u>125.595.511.936</u>	<u>149.664.560.769</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	26.967.023.660	566.620.128	-	27.533.643.788
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.926.683.042	-	(3.506.171)	10.923.176.871
Thuế thu nhập cá nhân	1.237.311.276	(104.016.079)	(75.246.144)	1.058.049.053
Thuế tài nguyên	201.537.000	-	-	201.537.000
Các loại thuế khác	10.357.569.468	1.612.278.660	(5.540.359.643)	6.429.488.485
Cộng	<u>49.690.124.446</u>	<u>2.074.882.709</u>	<u>(5.619.111.958)</u>	<u>46.145.895.197</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(34.475.148.843)	437.046.940
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	16.379.452.187	15.224.912.821
- Các khoản điều chỉnh tăng	16.379.452.187	15.224.912.821
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	(18.095.696.656)	15.661.959.761
Thu nhập tính thuế	(18.095.696.656)	15.661.959.761
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	-	3.132.391.952
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	<u>-</u>	<u>3.132.391.952</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm/kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	112.871.250	112.871.250
Chi phí công trình	1.323.018.767	1.323.018.767
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	922.078.080	922.078.080
Cộng	<u>2.357.968.097</u>	<u>2.357.968.097</u>

14. Phải trả khác ngắn hạn/dài hạn

14a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>27.177.536.280</i>	<i>27.177.536.280</i>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	27.163.218.098	27.163.218.098
Cơ quan Tổng công ty - Cổ tức phải trả	27.121.848.000	27.121.848.000
Ban điều hành dự án thủy điện Đồng Nai 5	41.370.098	41.370.098
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	14.318.182	14.318.182
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>168.895.714.224</i>	<i>155.171.548.254</i>
Kinh phí công đoàn	2.978.317.703	3.071.974.118
Bảo hiểm xã hội BHYT, BHTN	20.859.805.909	19.176.880.277
Liên danh CMC/ITD/SongDa	4.630.525.555	4.630.525.555
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	58.979.708.459	58.979.708.459
Tiền lương phải trả CBCNV đã nghỉ việc	9.786.519.126	9.710.108.430
Lãi vay phải trả	30.424.597.074	20.363.747.434
Quỹ sông Đà	1.522.916.795	1.678.016.795
Vật tư tạm nhập	38.313.806.843	34.751.079.374
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.399.516.760	2.809.507.812
Cộng	<u>196.073.250.504</u>	<u>182.349.084.534</u>

14b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản ký quỹ ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	259.158.684.770	255.482.853.706
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành ⁽ⁱ⁾	78.591.296.933	78.611.296.933
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ⁽ⁱⁱ⁾	105.720.976.690	101.725.145.626
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	47.068.420.347	47.368.420.347
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lào Cai ^(iv)	27.777.990.800	27.777.990.800
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.040.940.909	1.005.046.216
Vay ngắn hạn các cá nhân	28.443.218.439	7.898.181.806
Vay dài hạn đến hạn trả	785.982.749	789.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây ^(v)	789.000.000	789.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.709.344.098	7.709.344.098
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust	5.964.647.085	5.964.647.085
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	1.744.697.013	1.744.697.013
Cộng	297.138.170.965	272.884.425.826

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành theo Hợp đồng cho vay hạn mức để phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay là 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản thuộc sở hữu của Công ty.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - chi nhánh Lào Cai Hợp theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng để bổ sung vốn lưu động phục vụ thi công bê tông thuộc dự án công trình thủy điện Pắc Ma với lãi suất theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 09 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền đòi nợ hợp đồng thi công xây dựng công trình thủy điện Pắc Ma giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Pắc Ma.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây để đầu tư tài sản cố định với lãi suất, thời hạn theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và các tài sản khác thuộc sở hữu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	255.482.853.706	31.003.818.619	(27.327.987.555)	259.158.684.770
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	1.005.046.216	35.894.693	-	1.040.940.909
Vay ngắn hạn các cá nhân	7.898.181.806	21.029.116.939	(484.080.306)	28.443.218.439
Vay dài hạn đến hạn trả	789.000.000	-	(3.017.251)	785.982.749
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	7.709.344.098	-	-	7.709.344.098
Cộng	272.884.425.826	52.068.830.251	(27.815.085.112)	297.138.170.965

15b. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Gốc	Lãi	Cộng	Gốc	Lãi	Cộng
Vay ngân hàng	153.437.708.080	29.499.220.020	182.936.928.100	154.546.708.080	20.363.747.434	174.910.455.514
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	78.591.296.933	16.729.952.828	95.321.249.761	78.611.296.933	11.269.522.552	89.880.819.485
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	-	2.987.355	2.987.355	-	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội	47.068.420.347	5.870.774.141	52.939.194.488	48.157.420.347	4.476.133.911	52.633.554.258
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Lào Cai	27.777.990.800	6.895.505.696	34.673.496.496	27.777.990.800	4.618.090.971	32.396.081.771
Nợ thuê tài chính	6.104.250.348	925.377.054	7.029.627.402	3.443.179.325	-	3.443.179.325
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust	4.849.553.335	714.718.254	5.564.271.589	2.923.482.312	-	2.923.482.312
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín	1.254.697.013	210.658.800	1.465.355.813	519.697.013	-	519.697.013
Cộng	159.541.958.428	30.424.597.074	189.966.555.502	157.989.887.405	20.363.747.434	178.353.634.839

Các khoản vay này chưa được thanh toán do Công ty đang gặp khó khăn về tài chính nên chưa có luồng tiền để thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	394.281.681	936.179.091
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	-	537.901.590
Chi quỹ	(383.607.000)	(1.079.799.000)
Số cuối kỳ	<u>10.674.681</u>	<u>394.281.681</u>

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	347.716.110.000	31.336.985.455	76.802.853.978	(14.382.972.696)	441.472.976.737
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	(2.695.345.012)	(2.695.345.012)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(537.901.590)	(537.901.590)
Số dư cuối kỳ trước	<u>347.716.110.000</u>	<u>31.336.985.455</u>	<u>76.802.853.978</u>	<u>(17.616.219.298)</u>	<u>438.239.730.135</u>
Số đầu năm nay	347.716.110.000	31.336.985.455	76.802.853.978	(22.979.647.879)	432.876.301.554
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(34.475.148.843)	(34.475.148.843)
Số dư cuối kỳ này	<u>347.716.110.000</u>	<u>31.336.985.455</u>	<u>76.802.853.978</u>	<u>(57.454.796.722)</u>	<u>398.401.152.711</u>

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	226.015.400.000	226.015.400.000
Cổ đông khác	121.700.710.000	121.700.710.000
Cộng	<u>347.716.110.000</u>	<u>347.716.110.000</u>

17c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	34.771.611	34.771.611
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	34.771.611	34.771.611
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	34.771.611	34.771.611

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

17d. Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 1.221,37 USD (số đầu năm là 1.234,57 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	47.078.037.084	105.253.947.035
<i>Trong đó: Doanh thu của công trình quyết toán</i>	<i>7.748.039.664</i>	<i>-</i>
Doanh thu bán vật tư	2.314.018.627	2.665.767.302
Doanh thu khác	4.068.612.268	3.804.692.345
Cộng	53.460.667.979	111.724.406.682

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Sông Đà – CTCP		
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	2.684.470.286
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		
Bán nguyên vật liệu	-	213.418.405
Doanh thu cung cấp dịch vụ	198.484.478	143.570.588
Công ty Cổ phần Sông Đà 5		
Doanh thu cho thuê tài sản	1.064.356.914	-

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	61.846.670.696	74.178.513.744
<i>Trong đó: Giá vốn của công trình quyết toán</i>	<i>31.950.994.008</i>	<i>-</i>
Giá vốn của vật tư đã bán	2.257.875.296	2.846.578.540
Giá vốn khác	1.772.442.455	3.071.911.519
Cộng	65.876.988.447	80.097.003.803

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.390.568	36.543.646
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	1.030.003.399
Lãi thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	-	127.168.182
Cộng	8.390.568	1.193.715.227

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	14.227.861.055	14.180.407.291
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	847.850	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	72.238.746	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(223.296.828)	-
Chi phí tài chính khác	38.303.836	829.015.533
Cộng	14.115.954.659	15.009.422.824

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.590.783.561	12.535.436.759
Chi phí vật liệu quản lý	427.883.087	503.820.345
Chi phí đồ dùng văn phòng	77.310.720	264.552.465
Chi phí khấu hao tài sản cố định	364.805.694	366.754.431
Thuế, phí và lệ phí	6.000.000	38.734.394
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(621.596.590)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	652.798.486	683.608.001
Các chi phí khác	817.247.682	1.297.297.288
Cộng	9.936.829.230	15.068.607.093

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.729.090.911	816.089.090
Nhượng bán vật tư, công cụ dụng cụ	330.321.363	1.595.661.632
Tiền bồi thường nhận được	1.635.408.350	3.394.923.536
Thu nhập khác	92.779.246	91.263.585
Cộng	5.787.599.870	5.897.937.843

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thanh lý, xuất hủy vật tư, công cụ dụng cụ	1.573.223.084	151.238.459
Phạt do vi phạm hành chính	-	7.867.759.412
Tiền chậm nộp thuế, chậm trả BHXH	2.151.591.132	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	152.913.098
Chi phí khác	77.220.708	32.068.123
Cộng	3.802.034.924	8.203.979.092

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(34.475.148.843)	(2.695.345.012)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(34.475.148.843)	(2.695.345.012)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	34.771.611	34.771.611
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	(991)	(78)

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	21.744.259.846	83.486.528.825
Chi phí nhân công	12.834.554.453	68.672.743.259
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.837.756.528	8.815.418.772
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.884.344.812	37.102.837.111
Chi phí khác	3.188.756.670	64.721.167.288
Cộng	61.489.672.309	262.798.695.255

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty không có công nợ và không phát sinh giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		
Tiền vật tư ca máy	-	83.450.673
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		
Chi phí thí nghiệm	436.363.636	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5		
Tiền nhượng bán vật tư	191.457.845	-

Công nợ các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.10, V.11 và V.14a.

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh xây dựng công nghiệp.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu trong nước và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

Kỳ này	Nước ngoài		
	Trong nước	(tại Lào)	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	43.723.095.579	9.737.572.400	53.460.667.979
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	43.723.095.579	9.737.572.400	53.460.667.979
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(16.252.532.641)	3.836.212.173	(12.416.320.468)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(9.379.232.697)	(557.596.533)	(9.936.829.230)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(25.631.765.338)	3.278.615.640	(22.353.149.698)
Doanh thu hoạt động tài chính	8.362.896	27.672	8.390.568
Chi phí tài chính	(10.568.063.272)	(3.547.891.387)	(14.115.954.659)
Thu nhập khác	5.715.488.329	72.111.541	5.787.599.870
Chi phí khác	(3.772.309.547)	(29.725.377)	(3.802.034.924)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(34.248.286.932)	(226.861.911)	(34.475.148.843)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.042.738.197	2.063.598.645	6.106.336.842

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Kỳ trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	40.100.306.700	71.624.099.982	111.724.406.682
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.100.306.700	71.624.099.982	111.724.406.682
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.057.190.115	29.570.212.764	31.627.402.879
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(11.576.765.918)	(3.491.841.175)	(15.068.607.093)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(9.519.575.803)	26.078.371.589	16.558.795.786
Doanh thu hoạt động tài chính	1.193.588.385	126.842	1.193.715.227
Chi phí tài chính	(12.922.388.888)	(2.087.033.936)	(15.009.422.824)
Thu nhập khác	5.777.770.863	120.166.980	5.897.937.843
Chi phí khác	(8.197.706.069)	(6.273.023)	(8.203.979.092)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	(3.132.391.952)	-	(3.132.391.952)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(26.800.703.464)	24.105.358.452	(2.695.345.012)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	884.000.000	884.000.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.363.274.497	4.003.663.602	6.366.938.099

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	Trong nước	Nước ngoài (tại Lào)	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	613.373.088.777	160.994.598.956	774.367.687.733
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			463.953.552.943
Tổng tài sản			1.238.321.240.676
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	181.292.407.224	159.431.373.979	340.723.781.203
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			499.199.812.933
Tổng nợ phải trả			839.923.594.136
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	636.453.856.326	163.794.716.967	800.248.573.293
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	485.246.916.065
Tổng tài sản			1.285.495.489.358
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	230.807.605.856	127.524.240.723	358.331.846.579
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			494.287.341.225
Tổng nợ phải trả			852.619.187.804

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 6

Địa chỉ: Tòa nhà TM, khu đô thị La Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

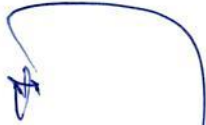
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Người lập biểu



Trần Ngọc Ánh

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Ngạn

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Tổng Giám đốc



Lê Tiến Thủ

